



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 60

Ngày 15 tháng 10 năm 2013

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 26-9-2013 - Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng “Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh”. 2

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 23-9-2013 - Quyết định số 5194/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015. 13
- 23-9-2013 - Quyết định số 5195/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015. 35

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2013/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng “Công nghệ thông tin -  
Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh”****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Thông tin và Truyền thông trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 19/TTr-STTTT ngày 03 tháng 9 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét tặng Giải thưởng “Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh”.

**Điều 2.** Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Giải thưởng), do Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức xét và tặng thưởng hàng năm cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có sản phẩm, dịch vụ và thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố.

**Điều 3.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông làm Cơ quan thường trực của Giải thưởng, có nhiệm vụ phối hợp với sở - ngành chức năng và Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc tổ chức xét chọn, quyết định công nhận và tổ chức trao tặng Giải thưởng.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 128/2007/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Xét tặng Giải thưởng “Công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

---

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Giải thưởng Công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh, tên tiếng Anh: **HoChiMinhCity ICT ward** là Giải thưởng chính thức trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông, được Ủy ban nhân dân thành phố xét và trao tặng hàng năm cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có sản phẩm, dịch vụ và thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố.

**Điều 2.** Đối tượng được tham gia Giải thưởng Công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh (sau đây được gọi tắt là Giải thưởng) là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (sau đây được gọi tắt là đơn vị) có tư cách pháp nhân, có đăng ký hay có giấy phép hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; các cá nhân là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người có quốc tịch nước ngoài hiện đang sinh sống làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Chương II**

#### **CƠ CẤU VÀ GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG**

##### **Điều 3. Cơ cấu giải thưởng**

1. Giải thưởng được xét và trao tặng cho 6 nhóm, theo các lĩnh vực liên quan đến công nghệ thông tin - truyền thông như sau:

- a) Doanh nghiệp có sản phẩm và giải pháp phần mềm tiêu biểu.
- b) Doanh nghiệp có sản phẩm phần cứng tiêu biểu.
- c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng tiêu biểu.
- d) Đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiêu biểu.
- đ) Đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố.
- e) Sinh viên ngành Công nghệ thông tin - Truyền thông có thành tích nghiên cứu và học tập xuất sắc.

2. Đơn vị và cá nhân có thể đăng ký tham gia xét và trao Giải thưởng cho nhiều nhóm danh hiệu khác nhau, tuy nhiên mỗi nhóm danh hiệu chỉ được đăng ký xét và trao giải cho một sản phẩm (trừ nhóm danh hiệu quy định tại Điểm d, đ Khoản 1 Điều này).

3. Các đơn vị và cá nhân đã được trao Giải thưởng vẫn có quyền được tham gia xét và trao Giải thưởng ở các năm tiếp theo nếu có thành tích đặc biệt xuất sắc, đáp ứng được điều kiện và tiêu chuẩn của Giải thưởng nêu tại Điều 6 và Điều 7, Chương IV của Quy chế này.

#### **Điều 4. Giá trị Giải thưởng**

1. Đơn vị và cá nhân được xét và trao tặng Giải thưởng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen kèm theo tiền thưởng. Tiền thưởng được trích từ Quỹ thi đua khen thưởng của thành phố và từ các nguồn tài trợ (nếu có).

2. Tổng giá trị Giải thưởng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho mỗi nhóm danh hiệu và được chia cho các đơn vị và cá nhân được xét trao giải thưởng trong nhóm.

3. Số lượng giải thưởng ở mỗi nhóm danh hiệu sẽ tùy thuộc vào tình hình thực tế và do Cơ quan thường trực đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định nhưng tối đa không quá 5 (năm) giải thưởng cho mỗi nhóm danh hiệu.

**Điều 5.** Các đơn vị và cá nhân được trao tặng Giải thưởng được phép quảng bá, tuyên truyền về các sản phẩm, dịch vụ và thành tích của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng, được đại diện cho ngành Công nghệ thông tin - truyền thông thành phố tham gia các cuộc thi và Giải thưởng chuyên ngành cấp quốc gia và quốc tế khác.

**Chương III**  
**TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN**  
**ĐƯỢC TRAO TẶNG GIẢI THƯỞNG**

**Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện chung**

1. Đơn vị và cá nhân tham gia Giải thưởng phải thuộc đối tượng được nêu tại Chương I của Quy chế này.

2. Có Bản đăng ký và Hồ sơ xét trao Giải thưởng theo mẫu quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

3. Ưu tiên cho các đơn vị và cá nhân đã đạt các Giải thưởng tại các cuộc thi trong nước và quốc tế về công nghệ thông tin - truyền thông trong 5 năm gần nhất hoặc đã đạt các danh hiệu do các tổ chức, Hiệp hội chuyên ngành trao tặng.

**Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể cho từng nhóm Giải thưởng**

1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với doanh nghiệp có sản phẩm và giải pháp phần mềm tiêu biểu:

a) Có đăng ký kinh doanh và có đóng thuế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

b) Có sản phẩm, giải pháp phần mềm đã được ứng dụng rộng rãi trong thực tế, được sự đánh giá tốt của khách hàng (tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng), của chuyên gia trong lĩnh vực sản phẩm và của các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với doanh nghiệp có sản phẩm phần cứng tiêu biểu:

a) Có sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam (được sản xuất và lắp ráp trong nước).

b) Có báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Chứng minh được tính ưu việt của sản phẩm về công nghệ, giá trị gia tăng trên sản phẩm cao, có khả năng thay thế được các sản phẩm nhập ngoại.

d) Sản phẩm có doanh số cao, chiếm thị phần chủ yếu trên thị trường.

đ) Được sự công nhận của khách hàng (tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng) về chất lượng sản phẩm.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng tiêu biểu:

a) Dịch vụ giá trị gia tăng được ứng dụng rộng rãi trên nền dịch vụ viễn thông - Internet (ví dụ như: thương mại điện tử, báo điện tử, trò chơi trực tuyến).

b) Dịch vụ đạt doanh số cao, có số lượng khách hàng sử dụng đông đảo.

c) Dịch vụ được sự công nhận của khách hàng (tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng) về nội dung và chất lượng.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiêu biểu:

a) Đầu tư đồng bộ về trang thiết bị công nghệ thông tin - truyền thông tại đơn vị.

b) Sử dụng hiệu quả các ứng công nghệ thông tin - truyền thông để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí quản lý, công khai và minh bạch các quy trình phục vụ khách hàng.

c) Áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật hệ thống thông tin và mạng nội bộ của đơn vị.

d) Được khách hàng, đối tác và cơ quan quản lý cấp trên giới thiệu, đề cử và đánh giá tốt.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố.

a) Doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao về doanh số, thị phần.

b) Sử dụng lực lượng lao động công nghệ thông tin - truyền thông:

- Có tỷ lệ tăng trưởng nhân lực đạt 30% trở lên (đối với doanh nghiệp có tổng số nhân sự từ 100 người trở lên).

- Có tỷ lệ tăng trưởng nhân lực đạt 50% trở lên (đối với doanh nghiệp có tổng số nhân sự dưới 100 người).

c) Doanh nghiệp đã đạt các chứng chỉ chất lượng của ngành (CMMI, ISO).

d) Phát triển và nâng cao được chất lượng của đội ngũ nhân viên (nhiều nhân viên đạt được các bằng cấp và chứng chỉ quốc tế).

đ) Ứng dụng thành công các công nghệ và quy trình sản xuất mới giúp tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

e) Có đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội do thành phố phát động.

g) Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước và người lao động.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với sinh viên đang theo học ngành công nghệ thông tin - truyền thông có thành tích nghiên cứu và học tập xuất sắc tại các trường, viện đóng trên địa bàn thành phố:

a) Là sinh viên đang theo học tại các Trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn thành phố.

b) Đạt danh hiệu sinh viên giỏi theo cấp độ ưu tiên: điểm trung bình học lực và điểm rèn luyện: từ 8.0 trở lên (xếp loại giỏi).

c) Thành tích, nghiên cứu học tập:

- Đạt nhiều học bổng liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Có các chứng nhận, chứng chỉ liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Được nhận làm nghiên cứu sinh.

- Có hoặc tham gia các công trình nghiên cứu khoa học về công nghệ thông tin: cấp trường, cấp thành phố, cấp Nhà nước; ưu tiên các đề tài hướng đến giải quyết các vấn đề đặt ra trong 6 chương trình đột phá của thành phố Hồ Chí Minh.

- Đạt các giải thưởng trong các cuộc thi lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông.

d) Thành tích hoạt động:

- Đạt các danh hiệu và bằng khen các cấp (cấp Quốc gia, cấp thành phố, cấp Đoàn, cấp Hội sinh viên),

- Tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

đ) Giải Sinh viên An toàn - An ninh thông tin:

Ngoài các giải đạt đúng tiêu chí nêu trên, sẽ xem xét trao 1 giải: Sinh viên An toàn - An ninh thông tin bao gồm các tiêu chí như sau:

- Bao gồm các tiêu chí tại Điểm a, b Khoản 6 Điều này, bắt buộc phải đạt được chứng chỉ, bằng khen trong các cuộc thi An toàn - An ninh thông tin.

- Có hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học về an toàn an ninh thông tin.

- Có đóng góp thiết thực cho an toàn - an ninh thông tin.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8. Cơ quan thường trực Giải thưởng (sau đây gọi tắt là Cơ quan thường trực)**



1. Sở Thông tin và Truyền thông là Cơ quan thường trực, có nhiệm vụ phối hợp với các Sở ban ngành, Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc tổ chức xét chọn, ban hành quyết định công nhận và trao tặng Giải thưởng.

2. Cơ quan thường trực có trách nhiệm:

a) Xây dựng và ban hành hướng dẫn tham gia Giải thưởng.

b) Đánh giá sơ bộ các hồ sơ tham gia Giải thưởng.

c) Thành lập Hội đồng tuyển chọn và dự thảo Quyết định trao Giải thưởng trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt dựa trên kết luận cuối cùng và đề xuất của Hội đồng tuyển chọn.

d) Chuẩn bị điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động của Hội đồng tuyển chọn.

đ) Dự trù kinh phí tổ chức xét tuyển, tổ chức trao Giải thưởng và kinh phí hoạt động của Hội đồng tuyển chọn từ kinh phí sự nghiệp chuyên môn hàng năm của cơ quan.

### **Điều 9. Hội đồng tuyển chọn**

1. Hội đồng tuyển chọn do Cơ quan thường trực ban hành Quyết định thành lập. Thành phần bao gồm:

a) Đại diện lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông - Chủ tịch.

b) Đại diện lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố - Phó Chủ tịch.

c) Đại diện lãnh đạo Ban Tư tưởng Văn hóa Thành ủy - Ủy viên.

d) Đại diện lãnh đạo các Sở - ngành có liên quan.

đ) Đại diện các Hiệp hội, doanh nghiệp và một số chuyên gia trong ngành.

e) Đại diện lãnh đạo một số trường đại học.

2. Hội đồng tuyển chọn có trách nhiệm xem xét và thẩm định các Hồ sơ đăng ký tham gia Giải thưởng để đưa ra kết luận và đánh giá cuối cùng, đề xuất danh sách trao tặng Giải thưởng cho các đơn vị và cá nhân thật sự xứng đáng cho Cơ quan thường trực.

3. Chủ tịch Hội đồng điều khiển các phiên họp của Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng thay mặt điều khiển các phiên họp của Hội đồng. Hội đồng làm việc trên nguyên tắc bàn bạc thống nhất của các thành viên có mặt. Các phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng

tham dự. Các quyết định của Hội đồng chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng biểu quyết đồng ý.

**Điều 10.** Đối với nhóm Giải thưởng doanh nghiệp có sản phẩm và giải pháp phần mềm tiêu biểu, Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức sơ tuyển trước. Kết quả sơ tuyển được chuyển cho Hội đồng tuyển chọn xem xét trao Giải thưởng theo quy định.

## **Chương V**

### **QUY TRÌNH XÉT TRAO GIẢI THƯỞNG**

#### **Điều 11. Bộ Hồ sơ đề nghị xét và trao tặng Giải thưởng theo mẫu bao gồm**

1. Đơn đăng ký.
2. Hồ sơ tham gia Giải thưởng (Kèm theo đĩa CD mô tả chương trình nếu đăng ký nhóm danh hiệu Doanh nghiệp có sản phẩm phần mềm tiêu biểu quy định tại Điều 3 Quy chế này).
3. Bản cam kết về quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền đối với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị mình.
4. Bản sao giấy đăng ký kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh (nếu là chi nhánh thì phải bổ sung giấy phép thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) đối với doanh nghiệp.
5. Các văn bản xác nhận và giới thiệu của tổ chức cơ quan, doanh nghiệp, giấy chứng nhận thành tích, bảng điểm và các tài liệu chứng minh khác (nếu có) kèm theo.

#### **Điều 12. Quy trình xét và trao tặng Giải thưởng**

1. Giai đoạn sơ tuyển hồ sơ tham dự Giải thưởng
  - a) Đơn vị và cá nhân tham gia Giải thưởng gửi Bản đăng ký và Hồ sơ xét tuyển theo mẫu về Cơ quan thường trực.
  - b) Cơ quan thường trực tóm tắt, phân loại hồ sơ để lựa chọn những hồ sơ đạt tiêu chuẩn quy định. Những hồ sơ chưa đầy đủ hay chưa phù hợp sẽ được yêu cầu bổ sung, điều chỉnh trong giai đoạn sơ tuyển. Trong trường hợp cần thiết Cơ quan thường trực sẽ thuê các chuyên gia tư vấn kiểm tra, đánh giá về tính xác thực và chất lượng của hồ sơ tham gia xét chọn để bổ sung thêm thông tin cho việc xem xét, thẩm định của Hội đồng tuyển chọn. Các hồ sơ không hợp lệ hay không đủ điều kiện để xét và trao Giải thưởng sẽ bị loại.

c) Cơ quan thường trực sẽ có thông báo về kết quả xét hồ sơ cho các đơn vị và cá nhân tham gia Giải thưởng. Việc khiếu nại và xử lý các tranh chấp thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

## 2. Giai đoạn xét tuyển

Cơ quan thường trực lập danh sách các hồ sơ đủ tiêu chuẩn và chuyển cho Hội đồng tuyển chọn, đồng thời đăng trên trang tin điện tử của Cơ quan thường trực và trên các phương tiện truyền thông về kết quả sơ tuyển.

## 3. Giai đoạn đánh giá

Hội đồng tuyển chọn xem xét, thẩm định các hồ sơ theo danh sách để đưa ra kết luận, đánh giá cuối cùng, đề xuất danh sách trao tặng Giải thưởng và chuyển cho Cơ quan thường trực.

## 4. Công nhận kết quả

Căn cứ trên kết luận của Hội đồng tuyển chọn, Cơ quan thường trực trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định công nhận và trao Giải thưởng.

### **Điều 13. Xử lý trường hợp có tranh chấp hay khiếu kiện**

1. Trong vòng hai mươi ngày, kể từ ngày công bố thông tin về các hồ sơ có đủ điều kiện xét và trao Giải thưởng được đăng tải theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Quy chế này, bất kỳ khiếu nại nào về việc vi phạm hoặc tranh chấp bản quyền hoặc vi phạm pháp luật của đơn vị và cá nhân đăng ký tham gia Giải thưởng cần được thông báo cho Cơ quan thường trực. Thông báo bằng văn bản có chữ ký của người khiếu nại, ghi rõ địa chỉ kèm theo bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người khiếu nại và được gửi đến Cơ quan thường trực bằng thư bảo đảm.

2. Cơ quan thường trực sẽ xem xét, đánh giá mức độ vi phạm của đơn vị và cá nhân. Nếu chứng minh được có sự vi phạm thì hồ sơ của đơn vị và cá nhân đó sẽ bị loại, không được phép tiếp tục tham gia xét chọn. Trường hợp đơn vị và cá nhân tham gia xét chọn có vi phạm pháp luật nghiêm trọng sẽ được yêu cầu giải quyết theo các quy định của pháp luật.

3. Mọi khiếu nại sau thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này, đều không được Cơ quan thường trực xem xét mà chuyển qua xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Thi đua -

Khen thưởng thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận -huyện và các đối tượng liên quan đến Giải thưởng có trách nhiệm thực hiện các nội dung được quy định trong Quy chế này.

**Điều 15.** Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn và tình hình phát triển của thành phố trên cơ sở kiến nghị của Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở - ngành có liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5194/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2013*

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Quý Tây,  
huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 01/TTr-ĐA.BQL ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 345/TB-TCT ngày 09 tháng 11 năm 2013; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1679/TTr-NNPTNT-TC-KHĐT ngày 30 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2013 - 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 (theo nội dung đề án đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây - huyện Bình Chánh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

**Xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây,  
huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5194/QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Phần I**

## **THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TÂN QUÝ TÂY - HUYỆN BÌNH CHÁNH**

### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG**

#### **1. Đặc điểm tự nhiên**

Xã Tân Quý Tây nằm về phía Nam huyện Bình Chánh, cách trung tâm thành phố khoảng 10km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Hưng Long huyện Bình Chánh;
- Phía Tây giáp thị trấn Tân Túc;
- Phía Nam giáp tỉnh Long An;
- Phía Bắc giáp xã An Phú Tây.

Diện tích tự nhiên: 835,75 ha trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm 84,65% diện tích đất tự nhiên toàn xã. Xã được chia thành 4 ấp, gồm: ấp 1, ấp 2, ấp 3 và ấp 4.

#### **2. Dân số**

- Dân số toàn xã là 18.369 nhân khẩu, 4.143 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân 2.198 người/km<sup>2</sup>. Số hộ nông nghiệp 783 hộ chiếm 18,9% số hộ gia đình.

- Lực lượng lao động của xã khá dồi dào, lao động trong độ tuổi lao động có 13.007 người. Trong đó, có 11.707 người có việc làm. 1.118 người đang còn đi học và 1.249 người là nội trợ - lao động thời vụ.



## II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

### 1. Quy hoạch

Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất tại xã Tân Quý Tây đến năm 2020, đang thực hiện quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường theo chuẩn mới giai đoạn 2010 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020 đồng thời đang thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015 theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT.

### 2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

#### a) Giao thông

Hiện tại trên địa bàn xã có các tuyến đường giao thông, tổng chiều dài 74,852 km, trong đó:

- Đường trục xã, liên xã: 26,242 km, trong đó đã được nhựa hóa là 7,1km đạt 27,05%.

- Đường trục ấp, liên ấp: 32,310 km, trong đó đã được bê tông nhựa nóng, cứng hóa 16,1 km đạt 49,83%;

- Đường ngõ, xóm: 9,8 km, trong đó đi lại thuận tiện 5,6 km đạt 57,14%.

- Đường trục chính nội đồng: 6,5 km.

#### b) Thủy lợi

Xã hiện giờ có 23,642 km kênh mương, trong đó có 1 hệ thống công đáp ứng được yêu cầu của xã. Hiện tại xã chưa có hồ, đập có khả năng cấp nước cũng nhưng chưa có trạm bơm để cung ứng cho người dân. Thời gian tới cần gia cố chống sạt lở đối với kênh T11 với chiều dài 2,7 km, phục vụ tưới tiêu, sản xuất cho các hộ nông dân.

Hàng năm Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch nạo vét, phun xịt thuốc diệt cỏ, lục bình trên các kênh thủy lợi trên địa bàn. Nhưng hiện nay có nhiều kênh mương đã bị bồi lắng cần tập trung nạo vét, cải tạo, phục vụ cho việc tiêu thoát nước trong sản xuất nông nghiệp, cải thiện cảnh quan môi trường như: Kênh T12, kênh T13, kênh T14 và kênh đê ấp 1.

#### c) Điện

- Số trạm biến áp: 47 trạm, trong đó số trạm đạt yêu cầu: 47 trạm.

- Số km đường dây trung thế: 24 km, trong đó số km đạt chuẩn: 24 km.

- Số km đường dây hạ thế: 80 km, trong đó số km đạt chuẩn: 80 km.
- Tỷ lệ hộ dùng điện: 99%.
- Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sản xuất: 100%.

#### d) Trường học

Tổng số trường học là 3 trường (gồm 1 trường mầm non có 3 phân hiệu; 2 trường tiểu học; 1 trường Trung học cơ sở) với 2.709 học sinh.

- Trường mầm non: có 1 trường mầm non (Trường Mầm non Hoa Hồng có 3 cơ sở và 406 cháu).

- Trường Tiểu học: có 2 trường Tiểu học (Trường Tiểu học Tân Quý Tây: 980 em; Trường Tiểu học Tân Quý Tây 3: 500 em). Trong đó có 1 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Trường Tiểu học Tân Quý Tây 3).

- Trường Trung học cơ sở: có 1 trường Trung học cơ sở (Trường Trung học cơ sở Tân Quý Tây: 823 em).

#### đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Khu văn hóa: Các điểm sinh hoạt văn hóa, văn nghệ trước đây thường diễn ra tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã hoặc nhà dân. Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, chưa được đầu tư đúng mức. Hiện nay, nhà văn hóa của xã chưa được xây dựng để phục vụ đời sống văn hóa của nhân dân một cách tập trung, có quy mô và thuận lợi cho công tác quản lý.

- Khu thể thao của xã, ấp: Hiện tại, khu thể thao của xã, ấp chưa được xây dựng nên chưa đáp ứng nhu cầu thể dục thể thao của người dân xã Tân Quý Tây.

- Trạm phát thanh: Hiện tại, trên địa bàn xã có 05 trạm phát thanh hữu tuyến. Tuy nhiên, để thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, cần nâng cấp các trạm phát thanh trên nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác phát thanh, truyền thanh của Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây.

#### e) Chợ

Trên địa bàn xã Tân Quý Tây hiện nay chưa có chợ nông thôn. Người dân hiện đi mua hàng hóa, nhu yếu phẩm hàng ngày tại chợ thuộc các xã lân cận như: chợ Hưng Long, chợ Bình Chánh, chợ Long Thượng với khoảng cách không xa nên khá thuận tiện trong sinh hoạt hàng ngày của người dân.

## g) Bru điện

- Xã hiện có 1 bu điện văn hóa xã đạt chuẩn quốc gia.
- Toàn xã có 4 điểm kinh doanh dịch vụ Internet tư nhân đang hoạt động ở 2 ấp.
- Hệ thống thông tin liên lạc được đảm bảo đến với từng hộ dân.

## h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Trên địa bàn xã không có nhà tạm, dột nát.
- Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 3.892 căn. Số nhà kiên cố và bán kiên cố là 3.578/3.892 căn, chiếm 91,93%. Diện tích bình quân nhà ở trên 1 nhân khẩu là 22,82 m<sup>2</sup>.

**3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất**

## a) Kinh tế

- Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Quý Tây nhiệm kỳ 2012 - 2015 thì cơ cấu kinh tế của xã được xác định là Nông nghiệp - Dịch vụ - Thương mại - Tiểu thủ công nghiệp; Giữ vững 65 ha diện tích gieo trồng rau an toàn của Hợp tác xã Nông nghiệp Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Phước An.

- Thu nhập bình quân người/năm: 16,8 triệu đồng.

- Số lượng hộ nghèo: Tính đến cuối năm 2012, xã hiện có 120 hộ có thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm, chiếm 2,9% tổng số hộ toàn xã (4.143 hộ).

## b) Lao động

- Tổng số lao động trong độ tuổi: 13.007 người. Trong đó lao động có việc làm: 11.707 người (90%), đang đi học: 1.118 người (8,6%), nội trợ - lao động thời vụ: 1.249 người (9,6%).

- Cơ cấu lao động (%) đang làm việc trong các ngành nông nghiệp là 17,05%, công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng là 74,85%, thương mại - dịch vụ là 8,10%. (Cụ thể: nông nghiệp: 1.814 người, công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - xây dựng: 7.964 người, thương mại - dịch vụ: 862 người).

- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động phân theo kiến thức phổ thông:

+ Tiểu học: 32,60%

+ Trung học cơ sở: 46,30%

+ Trung học phổ thông: 19,75%

+ Học nghề: 1,35%

- Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp chiếm 17,05% (tiêu chí là 20%).
- Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn:
  - + Số lao động qua đào tạo: 6.818 người (chiếm tỷ lệ 64,08%), tỷ lệ trong nông nghiệp: 5,94%.
  - + Sơ cấp (3 tháng trở lên): 56,62%, tỷ lệ trong nông nghiệp: 4,71%;
  - + Trung cấp: 2,87%, tỷ lệ trong nông nghiệp 0,88%;
  - + Đại học, cao đẳng: 4,49%, tỷ lệ trong nông nghiệp 0,35%.

#### c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Địa bàn xã có 256 cơ sở sản xuất, kinh doanh - dịch vụ và hộ kinh doanh gia đình.
- Số hợp tác xã và tổ hợp tác: có 1 hợp tác xã là Hợp tác xã Nông nghiệp Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phước An đang hoạt động có hiệu quả và được đánh giá là một trong những hợp tác xã Nông nghiệp - Dịch vụ điển hình của Thành phố. Tuy nhiên, đường giao thông vào khu vực trụ sở cũng như khu sản xuất của hợp tác xã còn nhiều hạn chế nên cần được quan tâm, đầu tư đúng mức.

### 4. Văn hóa, xã hội và môi trường

#### a) Văn hóa - giáo dục

Hiện nay toàn xã có 4/4 ấp (chiếm tỷ lệ 100%) đạt danh hiệu ấp văn hóa

- Phổ cập giáo dục tiểu học đạt 96,40%, phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 90,63%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,08% (6.818 người).
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): khoảng 73,70% (chỉ tiêu là 90%).

#### b) Y tế

- Trạm y tế xã đã đạt chuẩn quốc gia, đội ngũ gồm có: 1 bác sĩ, 3 y sĩ, 3 y tá, 2 nữ hộ sinh, 1 dược tá.
- Điều kiện trang thiết bị y tế hiện nay đã được đầu tư xây dựng đạt chuẩn về cơ sở vật chất, đã có 1 vườn thuốc nam rộng 16 m<sup>2</sup>.
- Số lượng đăng ký bảo hiểm y tế: Tỷ lệ cá nhân thường trú đăng ký bảo hiểm y tế chiếm 70%.

c) Môi trường

- Hiện nay trên địa bàn xã có 99,17% số người sử dụng nước hợp vệ sinh. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn đã lắp đặt 2 trạm cấp nước, trong đó có 1 trạm mới hoàn thành trong năm 2012 với kinh phí 20 tỷ đồng.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 96,35%.

- Xử lý chất thải: Trên địa bàn xã có 4 tổ thu gom rác tại 4 ấp, 100% hộ dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên các trục đường giao thông tham gia đăng ký thu gom rác và xử lý theo quy định. Rác sau khi được thu gom sẽ được chuyển đến nơi xử lý tập trung.

- Nghĩa trang: Trên địa bàn xã hiện nay đã có nghĩa trang nhưng chưa được tổ chức quản lý. Hiện Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây đã vận động không cho phép chôn cất tại khu vực các chùa và vận động nhân dân không chôn cất khu vực cạnh nhà.

## **5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội**

a) Hệ thống chính trị của xã

- Đảng bộ cơ sở có 13 chi bộ trực thuộc, với 132 đảng viên. Trong đó có 4 Chi bộ ấp, 1 Chi bộ Cơ quan, 1 Chi bộ Công an, 1 Chi bộ Quân sự, 4 Chi bộ trường học, 1 Chi bộ Hợp tác xã và 1 Chi bộ Thanh tra Xây dựng. Năm 2012 Đảng bộ xã được công nhận trong sạch vững mạnh, các Chi bộ trực thuộc đều đạt trong sạch vững mạnh. Bằng khen của Huyện ủy Bình Chánh về đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh trong 5 năm (2005 - 2010).

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 45 người: trong đó có 24 cán bộ và công chức, 21 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 5 năm 2013 là 1 cán bộ, 1 công chức, 18 cán bộ không chuyên trách.

- Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

+ Mặt trận Tổ quốc: có 4 ban công tác Mặt trận ở 4 ấp.

+ Hội Cựu chiến binh: có 4 chi hội trực thuộc ở 4 ấp.

+ Hội Nông dân: có 5 chi hội (4 chi hội ấp, 1 chi hội ngành nghề) với 1.721 hội viên.

+ Đoàn TNCS HCM : có 10 chi đoàn với 231 đoàn viên.

**b) An ninh trật tự xã hội**

Do có sự chỉ đạo xuyên suốt từ cấp ủy Đảng đến chính quyền xã, tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn, xã hội luôn giữ được ổn định, đặc biệt là bảo vệ tốt các ngày lễ, kỷ niệm trong năm, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Số vụ tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện của người dân được giải quyết kịp thời, những năm gần đây không còn các vụ khiếu kiện tập thể. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc được tăng cường, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được ngăn chặn và xử lý kịp thời, xây dựng mạng lưới an ninh cơ sở hoạt động có hiệu quả.

**Phần II****NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
XÃ TÂN QUÝ TÂY - HUYỆN BÌNH CHÁNH ĐẾN NĂM 2015****I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015****1. Mục tiêu chung**

- Tập trung phát triển ngành chăn nuôi, trồng trọt mang lại hiệu quả kinh tế cao như: về chăn nuôi, tập trung chăn nuôi heo (trong đó phải giảm heo thịt, tăng heo nái, đó là phương pháp tăng giá trị sản phẩm nhưng không tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường), kết hợp với phát triển đàn bò sữa và trồng trọt các loại cây như: rau an toàn, hoa lan, cây kiểng.

- Tập trung mở rộng và nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn nhằm kích thích, thu hút đầu tư, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại phát triển. Tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với yêu cầu của thị trường - công ty, xí nghiệp để giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân trên địa bàn xã.

**2. Mục tiêu cụ thể**

\* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: đã thực hiện 10/19 tiêu chí (4, 7, 8, 9, 12, 13, 15, 16, 18, 19).
- Năm 2013: phần đầu đạt 14/19 tiêu chí (tăng thêm 4 tiêu chí 1, 6, 11, 17).
- Năm 2014: phần đầu đạt 16/19 tiêu chí (tăng thêm 2 tiêu chí 3, 14).
- Năm 2015: phần đầu đạt 19/19 tiêu chí (tăng thêm 3 tiêu chí 2, 5, 10).

\* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành công tác quy hoạch (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới).

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp từ 1,5 - 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đến năm 2015 trên 90%.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 3%/năm (hiện trạng 8,9%) để đến năm 2015 giảm hộ nghèo còn dưới 2%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 4/4 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90% trở lên.

## **II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Quy hoạch**

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xã nông thôn mới.

### **2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn**

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Đường giao thông trục xã, liên xã: Nâng cấp, sửa chữa 6 tuyến đường với tổng chiều dài 19,042 km.

+ Đường giao thông trục ấp, liên ấp: Mở rộng, nâng cấp trải đá dăm 11 tuyến đường với tổng chiều dài 16,010 km.

+ Đường giao thông ngõ, xóm: Mở rộng, bê - tông xi măng 13 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 6,7 km.

+ Đường giao thông nội đồng: Mở rộng, nâng cấp và sửa chữa 6 tuyến đường với tổng chiều dài là 6,5 km.

#### b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Gia cố chống sạt lở cho kênh T11 với chiều dài 2,702 km.

+ Kiên cố hóa bờ kênh đường T11 và nâng cấp bờ bao kênh Cầu Vườn.

+ Nạo vét thông thoáng dòng chảy cho 11 kênh, mương, trong đó có các tuyến trọng điểm như: T12, T13, T14, mương Đê ấp 1, mương Hương lộ 11 - Đoàn Nguyễn Tuấn.

#### c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Cải tạo nâng cấp, hệ thống đèn thấp sáng công cộng trên địa bàn xã, vận động nhân dân thực hiện tiết kiệm điện, sử dụng bóng đèn đủ sáng và tiết kiệm, mở tắt đèn đúng giờ để đảm bảo tiết kiệm điện công cộng.

+ Lắp đặt thêm đường dây điện tại một số khu vực.

+ Khảo sát lắp gắn điện kế cho các hộ sản xuất nông nghiệp.

#### d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ giáo dục mầm non và nâng cấp sân chơi cho trường Mầm non Hoa Hồng.

+ Xây mới 1 trường mầm non tại khu phụ của trường Tiểu học Tân Quý Tây (tọa lạc tại ấp 1) bao gồm 16 phòng học và phòng chức năng.



+ Xây mới 16 phòng học và phòng chức năng tại trường Tiểu học Tân Quý Tây 3.

+ Xây mới 10 phòng học và 2 phòng chức năng tại trường Trung học cơ sở Tân Quý Tây.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Cải tạo nâng cấp 2 văn phòng ấp gắn kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp 1, ấp 3.

+ Xây dựng mới 3 văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa ấp 2, ấp 4, ấp 5.

+ Xây dựng sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... kết hợp sân khấu ngoài trời khu trung tâm xã.

+ Xây thêm phòng làm việc trụ sở Ủy ban nhân dân xã, mua sắm thiết bị, bàn ghế hội trường của Ủy ban nhân dân xã, đặt công hộp thoát nước nội bộ trụ sở Ủy ban nhân dân xã, đổ đất san lấp san lấp tạo dựng mặt bằng khu vực lộ giới - mặt tiền trụ sở Ủy ban nhân dân xã, san lấp mở rộng khuôn viên trụ sở xã thêm 2m về hướng Bắc, giáp trường Tiểu học Tân Quý Tây.

e) Chợ nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Cải tạo nâng cấp 1 chợ.

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: đã đạt tiêu chí không nâng cấp hay sửa chữa.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: vận động xóa 18 căn nhà tạm, dột nát.

### **3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức**

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

- Nông nghiệp: Đẩy mạnh phát triển chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo 3 hướng: hoa lan, cây kiểng (15 ha); trồng cỏ nuôi bò (40 ha); rau an toàn (40 ha).

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Tập trung chỉnh trang khu dân cư kết hợp mở rộng và nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn nhằm kích thích, thu hút đầu tư, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Thương mại - Dịch vụ: Phát triển các ngành dịch vụ, buôn bán nhỏ, kinh doanh nhà trọ...

#### b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo, khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi...

+ Tăng cường thực hiện chức năng của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của nhà nước, hỗ trợ người nghèo và đối tượng chính sách.

#### c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề, với các doanh nghiệp, có định hướng ngành nghề phù hợp nhằm giải quyết được việc làm sau đào tạo.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ các loại hình kinh tế tập thể.

#### d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo, trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

+ Hỗ trợ đề mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế Tổ hợp tác, Hợp tác xã thông qua:

\* Hỗ trợ điều kiện sản xuất như kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản.

\* Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho xã viên tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

\* Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại.

\* Tham quan học tập mô hình sản xuất hiệu quả.

#### **4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường**

##### **a) Giáo dục**

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp học sinh bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học dành cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó để học tập tốt.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyên dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

## b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Bổ sung trang thiết bị tại trạm y tế nhằm đảm bảo việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, cùng công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng dân cư đạt kết quả tốt.

+ Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, tích cực vận động các bà mẹ đưa trẻ uống vitamin A, thực hiện tiêm chủng mở rộng đối với các loại bệnh thường gặp. Phối hợp với các đoàn khám bệnh từ thiện, các bệnh viện tổ chức khám chữa bệnh và cấp phát thuốc cho nhân dân.

+ Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, kiểm chế không để phát sinh các ổ dịch mới. Tập trung vào các khu vực nhà trọ, các khu phân lô tự phát còn nhiều khu vực đất trống, ao trũng xen kẽ, đề xuất cấp trên giải quyết cho san lấp để không phát sinh muỗi và gây dịch bệnh.

+ Vận động nhân dân thường xuyên thực hiện vệ sinh khu vực xung quanh và bên trong nhà định kỳ hàng tuần để phòng chống tốt dịch bệnh.

+ Thực hiện cung cấp đầy đủ các loại dung dịch, hóa chất khử khuẩn để người dân thường xuyên vệ sinh nhà cửa.

+ Kiểm tra thường xuyên các cơ sở sản xuất, kinh doanh không đảm bảo yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, phát hiện xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm nhằm ngăn chặn không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

+ Thực hiện các chương trình y tế nông thôn; hỗ trợ các hình thức bảo hiểm theo quy định; tăng cường trang thiết bị, bổ sung cán bộ y tế.

## c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn.

+ Thực hiện nghiêm Chi thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ

Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang, lễ hội... Thực hiện tốt chính sách về người nghèo...

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp”, kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên địa bàn xã.

+ Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

## **5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội**

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch,

vững mạnh”; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

#### b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

### **III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, dự kiến: 483.531 triệu đồng, gồm:**

a) Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: 441.911 triệu đồng (chiếm 91,39%)

b) Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 41.620 triệu đồng (chiếm 8,61%).

#### **2. Nguồn vốn**

a) Vốn từ Ngân sách nhà nước: 366.214 triệu đồng, chiếm 75,74 %; trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 179.674 triệu đồng;

+ Vốn lồng ghép: 186.540 triệu đồng;

\* Vốn tập trung: 174.040 triệu đồng;

\* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

\* Vốn sự nghiệp: 12.500 triệu đồng.

b) Vốn cộng đồng: 105.196 triệu đồng, chiếm 21,75%; trong đó:

+ Vốn dân: 81.882 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 23.314 triệu đồng

c) Vốn tín dụng: 12.120 triệu đồng, chiếm 2,51%

\* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### **Phần III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thời gian thực hiện đề án:** từ nay đến hết năm 2015.

**2. Quy mô và khối lượng thực hiện:** theo các biểu đính kèm.

**3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ**

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế

hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

#### b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020;



- Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

#### **4. Phân công thực hiện**

a) Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Quý Tây huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây triển khai

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Tân Quý Tây; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Quý Tây cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Tân Quý Tây.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Tân Quý Tây, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Quý Tây.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5195/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2013*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh  
giai đoạn 2013 - 2015**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 01/TTr-BQL ngày 20 tháng 7 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo 399/TB-TCT ngày 14 tháng 12 năm 2013; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình 1680/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 30 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, giai đoạn 2013 - 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình

Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B - huyện Bình Chánh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

### **Xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5195/QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

## **Phần I**

### **THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ VĨNH LỘC B, HUYỆN BÌNH CHÁNH**

#### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG**

##### **1. Đặc điểm tự nhiên**

Xã Vĩnh Lộc B nằm ở cuối cánh Bắc của huyện Bình Chánh, cách trung tâm huyện khoảng 12 km về hướng Tây Bắc, có diện tích tự nhiên là 1.744,27ha, chiếm 6,91% diện tích tự nhiên của huyện.

*\* Ranh giới xã được xác định như sau:*

- Phía Đông giáp quận Bình Tân
- Phía Tây và Nam giáp xã Phạm Văn Hai
- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Lộc A

##### **2. Dân số**

Ủy ban nhân dân thành phố đã ra Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2011 về chia tách ấp 1, 2, 3, 4 và ấp 6 thuộc xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh. Do đó hiện nay xã Vĩnh Lộc B có tất cả là 16 ấp. Tổng dân số xã Vĩnh Lộc B là 64.715 người. Số người lao động trong độ tuổi lao động là 41.664 người, chiếm 65,38%.

#### **II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI**

##### **1. Quy hoạch**

\* Hiện nay trên địa bàn xã có dự án đầu tư:

+ Dự án phát triển nhà ở khu dân cư Gia Phú tại ấp 6 (diện tích: 5,16 ha) được duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

+ Dự án đầu tư nhà ở do Tập đoàn phát triển nhà ở và đô thị HUD, diện tích 125 ha (ấp 3, 4 và ấp 6) được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận địa điểm đầu tư của Dự án theo Công văn số 3251/CV-UBND-ĐTMT ngày 04 tháng 7 năm 2011.

+ Dự án khu tái định cư 45 ha tại ấp 1 do Ban Nâng cấp Đô thị thành phố làm chủ đầu tư. Hiện nay chủ đầu tư và đơn vị thi công đã bàn giao cho Công ty TNHH Dịch vụ công ích huyện Bình Chánh 45 block nhà.

+ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 chỉnh trang trục đường Vĩnh Lộc (Hương lộ 80) tại xã Vĩnh Lộc B và xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh phê duyệt theo Quyết định số 4324/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2009

## **2. Hạ tầng kinh tế xã hội**

### **a) Giao thông**

Các tuyến đường do Ủy ban nhân dân xã quản lý chủ yếu là đường tổ ấp, với khoảng 100 tuyến đường, chiều dài trung bình khoảng vài trăm mét, bề rộng các tuyến đường phần lớn là 3m và hiện trạng chủ yếu vẫn còn là đường đá và đường đất. Ngoài ra, trên địa bàn xã có khoảng 17 tuyến đường do huyện Bình Chánh quản lý với kết cấu mặt đường là đá dăm.

\* Phân theo đơn vị quản lý:

- Số km các tuyến đường trên địa bàn xã do Khu quản lý giao thông đô thị số 4 quản lý: 14,525 km, cụ thể:

+ Đường Võ Văn Vân từ đường Vĩnh Lộc đến Tỉnh lộ 10: dài 5.600 m.

+ Đường Vĩnh Lộc từ Tỉnh lộ 10 đến ranh Hóc Môn: dài 8.462 m

+ Đường Nguyễn Thị Tú từ ranh Bình Tân đến đường Vĩnh Lộc: 463 m

- Số km các tuyến đường trên địa bàn xã do huyện Bình Chánh quản lý: 27,431 km, gồm 17 tuyến đường.

- Số km các tuyến đường do xã quản lý (hầu hết là các tuyến tổ ấp với kết cấu chủ yếu là đá 0x4 và đất): 40,98 km, gồm khoảng 104 tuyến đường.

\* Phân theo loại đường:

- Số km đường trục xã, liên xã: 15,4 km. Các tuyến đường trục xã, liên xã là

những tuyến đường quan trọng, trước đây đã được nhựa hóa, cứng hóa nhưng hiện tại đã bị hư hỏng và xuống cấp nặng.

- Số km đường trục ấp, liên ấp: 30,4 km. Các tuyến đường với kết cấu chủ yếu là đá dăm và một số lát nhựa nhưng đã xuống cấp và hư hỏng.

- Số km đường ngõ, tổ kết hợp với đường nội đồng: 36,58 km với chiều dài các tuyến trung bình khoảng 300 m, bề rộng khoảng 3m.

#### b) Thủy lợi

- Công tác thủy lợi được xã đặc biệt quan tâm đầu tư nâng cấp thường xuyên, chủ yếu là nạo vét kênh thoát nước trên địa bàn các ấp.

- Để giảm tình trạng ngập úng vào mùa mưa, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên chỉ đạo và có kế hoạch vận động các cơ sở đóng góp kinh phí để nạo vét khơi thông dòng chảy. Các tuyến mương trong khu dân cư thì giao Ban nhân dân ấp vận động nhân dân hai bên tự khai thông cống rãnh. Tuy nhiên, hệ thống tiêu thoát nước từ các kênh, rạch lớn trên địa bàn còn hạn chế.

#### c) Điện

- Xã có 239 trạm biến áp, đường dây trung thế dài 46 km, đường dây hạ thế dài 134 km đáp ứng tốt nhu cầu truyền tải điện năng cho sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- Hiện nay, tỷ lệ hộ dùng điện đạt 100%. Phần lớn người dân trên địa bàn xã đã sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia. Tuy nhiên, cần lắp đặt thêm hệ thống đèn chiếu sáng tại một số tuyến đường để đảm bảo việc chiếu sáng và đảm bảo an toàn lưới điện tại khu vực dân cư.

#### d) Trường học

- Hiện tại, trên địa bàn xã có 3 trường mầm non công lập: trường mầm non Hoa Thiên Lý, Hoa Thiên Lý 1 đã được đầu tư và đạt chuẩn quốc gia mức 1, trường mầm non 30/4 đạt chuẩn quốc gia.

- Trường tiểu học: Lại Hùng Cường và Vĩnh Lộc B (đạt chuẩn).

- Trường trung học cơ sở: Vĩnh Lộc B.

- Xã chưa có trường trung học phổ thông (hiện đã có quyết định xây dựng).

#### đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Trên địa bàn xã không có trung tâm văn hóa, thể dục thể thao.

- Xã có 1 trung tâm học tập cộng đồng tại ấp 2. Các điểm sinh hoạt văn hoá văn nghệ tại các ấp thường diễn ra tại trụ sở văn phòng ấp hoặc nhà dân.



- Do dân số xã đông, việc đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân trên địa bàn xã còn nhiều khó khăn về trang thiết bị cũng như địa điểm tổ chức.

- Ủy ban nhân dân thành phố đã có Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2011 về chia tách ấp 1, 2, 3, 4 và ấp 6 thuộc xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh. Do đó xã Vĩnh Lộc B hiện nay có tất cả là 16 ấp.

- Chính vì vậy, hiện tại xã thiếu rất nhiều trụ sở văn phòng ấp để đảm bảo tốt công tác quản lý các hoạt động trên địa bàn xã. Ngoài ra, do dân số xã đông nhưng trụ sở Ủy ban nhân dân xã rất nhỏ và xuống cấp nên phần nào đã ảnh hưởng đến công tác quản lý địa phương.

#### e) Chợ

Trên địa bàn xã có 1 Trung tâm Thương mại Vĩnh Lộc là điểm chính cung cấp, trao đổi mua bán hàng hóa trên địa bàn nhưng không đủ đáp ứng nhu cầu địa phương. Ngoài ra trên địa bàn xã cũng tồn tại 4 chợ tự phát tại các ấp. Hiện tại doanh nghiệp đã xây dựng siêu thị với diện tích 10.000m<sup>2</sup> tại khu tái định cư 30 ha Vĩnh Lộc B.

#### g) Bưu điện

Hiện xã có 1 bưu điện xã tại ấp 5 và 1 bưu điện Vĩnh Lộc tại ấp 4 do huyện quản lý đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu cho người dân và có đường truyền Internet đến các ấp đảm bảo tốt nhu cầu thông tin liên lạc trên địa bàn xã.

#### h) Nhà ở dân cư nông thôn

Tổng số nhà ở trên địa bàn: 12.993 căn, trong đó:

- Nhà kiên cố: 632 căn, chiếm tỷ lệ 4,86%.
- Nhà bán kiên cố: 11.847 căn, chiếm tỷ lệ 91,18%.
- Nhà thiếu kiên cố: 514 căn, chiếm tỷ lệ 3,96%.

### 3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

#### a) Kinh tế

- Cơ cấu giá trị đóng góp của các ngành: Nông nghiệp (14%); Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (32%); Thương mại, dịch vụ (54%).

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 ước tính ở xã là 18 triệu đồng/người/năm.

- Hiện nay số hộ nghèo còn lại trên địa bàn xã là 46 hộ (chỉ chiếm 0,32%) so với tổng số hộ trên địa bàn xã.

#### b) Tỷ lệ lao động có việc làm

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đạt 90,4% (37.664 người trên tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn xã là 41.664 người).

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Các hộ nông dân tổ chức sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, chưa tập trung và đầu tư đúng mức. Do địa bàn xã có tốc độ đô thị hóa nhanh, mặt khác hoạt động sản xuất nông nghiệp không mang lại hiệu quả cao, do người dân chủ yếu còn sản xuất nhỏ lẻ... Chính vì vậy, lao động sản xuất nông nghiệp tại xã có xu hướng để đất trống hoặc chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp sang các hoạt động khác và chuyển sang làm việc trong các ngành nghề phi nông nghiệp.

- Diện tích gieo trồng rau màu các loại thực hiện 257,1 ha; diện tích lúa thực hiện 300 ha; diện tích trồng bắp thực hiện 4 ha. Tổng đàn heo: 16.647con, bò sữa: 480 con; trâu, bò ta: 1.287 con.

#### 4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa - giáo dục

- Tỷ lệ áp dụng văn hóa: 8/16. Năm 2012 có 10.933 hộ đạt gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 77,3%.

- Phong trào xã hội hóa giáo dục có những bước chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức và hành động trong nhân dân nên đã thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển ngày càng ổn định, toàn diện.

- Rà soát các nhóm, lớp trẻ tư thực trên địa bàn xã, kết quả có 33 nhóm, lớp trẻ đang hoạt động, trong đó có 23 trường hợp có phép, 10 trường hợp không phép.

- Kết quả vận động trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo: 100%.

- Trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100%.

- Trẻ có độ tuổi từ 11 - 14 theo học bậc trung học cơ sở: 100%.

- Năm 2011- 2012 học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ 100%, học sinh trung học cơ sở hoàn thành chương trình học đạt 100%.

- Phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở đạt 96%.

- Phổ cập giáo dục trung học phổ thông đạt 75%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 50,4% (khoảng 21.030 lao động/41.664 lao động trong độ tuổi).

- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục: đạt.

**b) Y tế**

- Tỷ lệ người dân tham gia vào các hình thức bảo hiểm y tế khoảng đạt 72,4% (khoảng 46.886 người/64.715 người).

- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân luôn được quan tâm. Trong năm 2012, ước tính có 11.171 lượt người khám bệnh tại trạm.

Tuy nhiên, do trạm y tế xã tại ấp 6 nằm trong dự án đầu tư để mở rộng nâng cấp trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B. Do đó xã sẽ phải cần xây dựng mới lại trạm y tế xã trên phần diện tích phân hiệu trường Mầm non Hoa Thiên Lý tại ấp 3 dời sang địa điểm khác để đảm bảo tốt nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương và tăng cường công tác vận động, hỗ trợ người dân tham gia vào các hình thức bảo hiểm y tế.

**c) Môi trường**

- Hiện trên địa bàn xã đã thành lập 20 tổ thu gom rác dân lập và 1 Công ty Môi trường xanh Thành Đạt đang hoạt động. Qua thống kê có 12.420/14.710 hộ đăng ký thu gom rác. Tỷ lệ thu gom rác đạt 84,4%.

- Toàn xã có 256 doanh nghiệp, 475 cơ sở sản xuất nhỏ lẻ và 1 Trung tâm Thương mại Vĩnh Lộc đã góp phần đáng kể trong giải quyết việc làm và tăng trưởng kinh tế tại địa phương. Ngoài ra loại hình kinh doanh nhà trọ, nhà cho thuê có 365 hộ kinh doanh với 2.580 phòng cho thuê tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân cải thiện cuộc sống.

- Hầu hết người dân trên địa bàn sử dụng nước giếng khoan là chủ yếu.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi hợp vệ sinh môi trường chỉ khoảng 50%.

- Xã không có quy hoạch nghĩa trang. Việc chôn cất của người dân được tập trung tại các khu vực nghĩa trang họ tộc trên địa bàn.

**5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội****a) Hệ thống chính trị**

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã được giao năm 2013 là 71 người: trong đó có 24 cán bộ và công chức, 47 cán bộ không chuyên trách. Số lượng cán bộ hiện có tính đến tháng 5 năm 2013 là 11 cán bộ, 12 công chức, 34 cán bộ không chuyên trách.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức xã:

+ Trình độ cao học: không có

+ Trình độ đại học: 18 người

- + Trình độ cao đẳng: không có
- + Trình độ trung cấp: 4 người
- Về trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức xã:
- + Trình độ đại học: không có
- + Trình độ cao cấp: 3 người
- + Trình độ trung cấp: 11 người

Số lượng cán bộ, công chức đủ phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đạt tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: 22/23 người.

- + Cán bộ xã đạt chuẩn: chưa đạt
- + Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: đạt
- + Đảng bộ xã đạt chuẩn: “Trong sạch vững mạnh”: chưa đạt
- + Các đoàn thể chính trị - xã hội đạt chuẩn tiên tiến trở lên: đạt

#### b) Tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã

Việc xây dựng và củng cố các mô hình tự quản về an ninh trật tự đang trong giai đoạn củng cố về mô hình tổ chức hoạt động nên bước đầu chưa phát huy hiệu quả cao. Trên địa bàn vẫn còn xảy ra nhiều hoạt động vi phạm pháp luật, tội phạm và tệ nạn xã hội với mức độ hoạt động ngày càng tinh vi.

## **Phần II**

### **NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ VĨNH LỘC B - HUYỆN BÌNH CHÁNH NĂM 2015**

#### **I. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN**

##### **1. Mục tiêu chung**

- Xây dựng xã Vĩnh Lộc B trở thành xã nông thôn mới thời kỳ Công nghiệp hóa
- Hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công

ng nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng; an ninh trật tự xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012 đạt 6/19 tiêu chí (4, 5, 7, 8, 11, 12);
- Năm 2013: phấn đấu đạt 9/19 tiêu chí (thêm 3 tiêu chí: 1, 13, 18);
- Năm 2014: phấn đấu đạt 15/19 tiêu chí (thêm 6 tiêu chí: 3, 6, 14, 15, 16, 19);
- Năm 2015: phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí (đạt thêm 4 tiêu chí: 2, 9, 10, 17).

*\* Những chỉ tiêu cụ thể:*

- Thu nhập bình quân đầu người năm đạt từ 1,5 đến 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại - dịch vụ, nông nghiệp.

- Lao động qua đào tạo nghề trên tổng số lao động đang làm việc đạt trên 70%. (trong đó 40% lao động nữ). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc thường xuyên đạt 90%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. Các tuyến đường từ xã tới các ấp được nhựa hóa 100%; trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa.

- Hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với trên 70% ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa;

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

## **II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Quy hoạch**

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Nội dung thực hiện:

Thực hiện theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

### **2. Hạ tầng kinh tế - xã hội**

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Đầu tư nâng cấp các tuyến đường chính trên địa bàn xã do huyện quản lý và các tuyến đường trục ấp, liên ấp và các đường ngõ, tổ trên địa bàn xã. Bên cạnh nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách thành phố, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã sẽ chú trọng công tác huy động nguồn lực từ cộng đồng để phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong công tác phát triển hạ tầng cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

+ Đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục xã, liên xã: nâng cấp nhựa nóng, mở rộng và lắp hệ thống thoát nước: 15.400 mét (4 tuyến)

+ Đầu tư nâng cấp các tuyến đường trục ấp, liên ấp: nâng cấp láng nhựa và thoát nước tại một số tuyến: 25.643 mét (28 tuyến).

+ Đầu tư nâng cấp các tuyến đường ngõ, tổ: nâng cấp bê tông xi măng: 3.100 mét (7 tuyến).

b) Thủy lợi (Kênh tiêu thoát nước)

- Mục tiêu: Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng hệ thống mương thoát nước đường liên ấp 2-3 dài 1.500 m

+ Xây dựng hệ thống thoát nước đường liên ấp 1-2-3 dài 2.460 m (đường làm rồi nhưng không có hệ thống thoát nước nên ngập thường xuyên)

+ Nạo vét khơi thông dòng chảy rạch Cầu Suối (phần rạch thuộc xã Vĩnh Lộc B) dài 3.200 m

c) Điện

- Mục tiêu: Duy trì - nâng chất tiêu chí 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Vận động, tuyên truyền người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm và lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng tại các tuyến đường như: 1A, liên ấp 1-2-3...; đảm bảo công tác an toàn lưới điện trên địa bàn xã; khảo sát gắn điện kế cho các hộ sản xuất nông nghiệp.

+ Chủ động phối hợp với ngành điện kiểm tra và xử lý triệt để các trường hợp xây dựng lấn chiếm hành lang an toàn lưới điện.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

Ngoài các trường chuẩn bị đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách tập trung đã có chủ trương và quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; để đảm bảo công tác giảng dạy học sinh trên địa bàn xã hiện tại, xã cần xây mới lại, sửa chữa, nâng cấp một số cấp trường. Cụ thể:

+ Đối với các công trình trường học đầu tư bằng nguồn ngân sách tập trung: Xây dựng thêm trường Mầm non Vĩnh Lộc B tại khu đất công ấp 4A (đã có chủ trương), trường tiểu học Vĩnh Lộc B tại khu đất công ấp 4A, trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B, trường Trung học phổ thông Vĩnh Lộc B (đã có quyết định đầu tư);

+ Đối với các trường học đầu tư bằng nguồn vốn nông thôn mới: Xây dựng mới phân hiệu trường Mầm non Hoa Thiên Lý tại địa điểm mới ấp 3B, nâng cấp trường tiểu học Lại Hùng Cường, nâng cấp trường Trung học cơ sở Vĩnh Lộc B hiện hữu.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới Trụ sở Ủy ban nhân dân xã;

+ Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao xã;

+ Sửa chữa, nâng cấp 5 văn phòng áp hiện có kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa: áp 1, áp 2, áp 3, áp 4, áp 6A;

+ Xây dựng mới 11 văn phòng áp mới tách kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa: áp 1A, áp 1B, áp 2A, áp 2B, 2C, áp 3A, áp 3B, áp 4A, áp 4B, áp 5, áp 6.

e) Chợ

- Mục tiêu: nâng chất yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: khuyến khích vận động xã hội hóa việc xây dựng thêm 1 chợ dân lập để đáp ứng nhu cầu mua bán cho người dân và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư siêu thị, những cửa hàng bán lẻ nông sản thực phẩm, tạo hành lang thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân theo hướng văn minh, hiện đại

g) Bưu điện - viễn thông

- Mục tiêu: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Nâng cấp bưu điện Vĩnh Lộc

h) Nhà ở dân cư

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường nhằm nâng cao hiểu biết của người dân trên cơ sở tự giác chấp hành, đồng thời tham gia cùng chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai, xây dựng và môi trường.

+ Xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp đồng bộ giữa các ngành của địa phương, các cơ quan chức năng Huyện... đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống các hành vi vi phạm về đất đai, xây dựng.

+ Tiếp tục củng cố kiện toàn và nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công



tác, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ quản lý, kiểm tra xử lý trong lĩnh vực đất đai, xây dựng.

+ Phát triển nhà ở nông thôn gắn với việc phát triển và nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch

+ Khảo sát nắm chắc những trường hợp nhà xuống cấp, hư hỏng để có hướng giải quyết và vận động người dân sửa chữa, kiên cố hóa nhà ở dân cư.

+ Xử lý triệt để việc xóa nhà tạm bợ đối với những trường hợp vi phạm. Đối với hộ nghèo, cần vận động xây dựng nhà tình thương để hỗ trợ cho người nghèo; tăng cường công tác tuyên truyền, xử lý các vi phạm về xây dựng nhà ở, chỉnh trang các khu nhà ở thuộc dân cư nông thôn hiện hữu và phát triển nhà ở nông thôn tại các khu vực theo quy hoạch.

Qua khảo sát đánh giá về tình hình nhà tạm trên địa bàn xã (thống kê năm 2010): Số lượng nhà tạm: 514 căn

Trong đó số lượng nhà tạm “hợp pháp” chiếm khoảng 20%, nhà tạm vi phạm về trật tự xây dựng: 80%. Do đó việc xóa nhà tạm bợ và chỉnh trang nhà ở dân cư cần có biện pháp phù hợp.

+ Đối với nhà thiếu kiên cố và nhà tạm “hợp pháp”, xã và các đoàn thể cần có những chính sách, vận động doanh nghiệp, mạnh thường quân hỗ trợ cho những hộ gia đình khó khăn chỉnh trang nhà cửa, trao tặng nhà tình thương, tình nghĩa... để tạo điều kiện cho họ có điều kiện vươn lên trong cuộc sống.

+ Đối với những nhà tạm vi phạm trật tự xây dựng, không giấy phép, cần có biện pháp xử lý cụ thể, hiệu quả để xóa nhà tạm, đảm bảo việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nâng cao công tác quản lý đất đai trên địa bàn xã.

### **3. Phát triển kinh tế và các hình thức sản xuất**

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường khuyến nông đối với nông dân qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan.

+ Phổ biến các chính sách, chủ trương của thành phố hỗ trợ nông dân trong quá trình thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp: kinh tế tập thể, tổ hợp tác, hợp tác xã...

+ Phát triển các mô hình sản xuất kết hợp điển hình trên địa bàn xã mang lại hiệu quả để bà con nông dân mạnh dạn chuyển dần canh tác sản xuất lúa mang hiệu quả thấp sang mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, phát triển đàn bò sữa, lan, cây kiêng... những cây trồng, vật nuôi có giá trị cao.

+ Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn: song song với việc phát triển, nâng cao hiệu quả các mô hình kinh tế nông nghiệp ổn định và giải quyết việc làm cho lao động trong nông nghiệp, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới phải chủ động phối hợp các đơn vị có liên quan đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động phi nông nghiệp, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho lao động để đáp ứng cho yêu cầu phát triển của địa phương.

+ Phát triển mạng lưới tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thể huy động vốn vào phát triển kinh tế.

+ Tạo điều kiện thuận lợi và định hướng phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ để phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập

#### b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường thực hiện chức năng của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

+ Huy động mọi nguồn lực trong xã hội, tạo điều kiện hỗ trợ cho hộ nghèo có điều kiện vươn lên trong cuộc sống...

#### c) Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Đào tạo nghề, học vấn và tạo việc làm cho người nông dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã, góp phần ổn định cuộc sống cho họ ở nơi định cư mới.

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương, đáp

ứng nhu cầu lao động các doanh nghiệp, các khu công nghiệp đóng trên địa bàn xã hay các địa bàn lân cận, chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt tiêu yêu cầu tiêu chí số 13 của bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền vận động nông dân tham gia vào các tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm.

+ Tổ chức tham quan học tập các mô hình liên kết sản xuất, đáp ứng tốt dịch vụ cho nông dân;

+ Tạo điều kiện, hỗ trợ cho nông dân phát triển sản xuất, tham gia vào các tổ hợp tác để nâng cao giá trị sản xuất, đầu tư hiệu quả, hướng tới tham gia vào các tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp: rau, chăn nuôi... Phân đấu thành lập ít nhất 2 tổ hợp tác trong sản xuất nông nghiệp và hoạt động có hiệu quả.

#### **4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường**

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động, dưới nhiều hình thức và ngành nghề phù hợp với đặc thù địa phương.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh

nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Do trạm y tế xã tại ấp 6 nằm trong dự án đầu tư để mở rộng nâng cấp trường Trung học cơ sở. Do đó xã sẽ phải cần xây dựng mới lại một trạm y tế xã với diện tích khoảng 1.500m<sup>2</sup> để đảm bảo tốt nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương. Đồng thời xã hội hóa xây dựng phòng khám đa khoa để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân tại địa bàn;

+ Khuyến khích, vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm, nâng tỷ lệ người dân tham gia vào các hình thức bảo hiểm y tế

+ Tổ chức thường xuyên các hoạt động y tế tại địa phương để đảm bảo công tác khám chữa bệnh tại xã.

+ Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Đài truyền thanh, tờ bướm, pa nô, áp phích về phòng, chống dịch bệnh...

c) Xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng quy ước khu dân cư ấp, tập trung vào việc cưới, tang, chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Triển khai từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

+ Cần thực hiện tốt công tác sắp xếp, củng cố kiện toàn hoạt động của Tổ nhân dân và ban công tác Mặt trận ấp. Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ Hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn ấp.

+ Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã; huy động các nguồn lực xã hội nhằm thực hiện tốt công tác chăm lo gia đình chính sách và an sinh xã hội, các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao...

+ Phân đầu số áp đạt chuẩn áp văn hóa từ 80% trở lên

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Chuyển các trại chăn nuôi tập trung, cơ sở ngành nghề gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; khuyến khích xây dựng hầm biogas, mỗi ấp có 1 tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu tập trung.

+ Tích cực phối hợp với các ngành của huyện, cũng như chủ động kiểm tra tại các cơ sở, doanh nghiệp có nghi vấn về hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Giám sát chặt chẽ việc chấp hành pháp luật của các cơ sở, doanh nghiệp đã bị xử lý hành chính về pháp luật môi trường. Tiếp tục kiểm tra và xử lý kiên quyết đối với các điểm kinh doanh phế liệu trái phép trên địa bàn của xã.

+ Thường xuyên làm việc các tổ thu gom rác dân lập, chấn chỉnh ngay tình trạng thu gom rác không đảm bảo thời gian, không đảm bảo vệ sinh trong quá trình thu và vận chuyển. Đối với các tổ đã nhiều lần nhắc nhở nhưng không có sự chuyển biến thì chấm dứt hợp đồng, chuyển giao cho tổ khác

+ Rà soát các các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vi phạm quy định ngành nghề, sản xuất ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác kiểm tra và có biện pháp xử lý hữu hiệu đối với các vi phạm về môi trường, thường xuyên tuyên truyền, vận động cộng đồng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, rác thải và hướng dẫn các cơ sở đăng ký bảo vệ môi trường theo qui định.

+ Lắp đặt hệ thống thùng rác công cộng và vận động hộ dân cùng với chính quyền trồng cây xanh trên các tuyến đường, khu dân cư...

+ Tuyên truyền vận động nhân dân chôn cất theo đúng quy định để không gây ô nhiễm môi trường.

## **5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội**

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung

và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã quy định tại quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

#### b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

- Triển khai và thực hiện tốt một số chỉ tiêu theo kế hoạch 757/KH-CABC ngày 30 tháng 5 năm 2011 về công tác của Công an huyện Bình Chánh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020:

##### ➤ **Chỉ tiêu 1:**

+ Hàng năm Đảng ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự.

+ Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự và “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”

+ Hàng năm phân loại xã về “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” đạt từ loại khá trở lên.

+ Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và hướng dẫn của ngành công an.

Hàng năm phân loại thi đua tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên, không có cá nhân Công an xã bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

➤ **Chỉ tiêu 2:**

+ Không để xảy ra các hoạt động phá hoại mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng. Không để xảy ra hoạt động chống đối Đảng, chống đối chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự...

+ Không để xảy ra mâu thuẫn tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân đông người, khiếu kiện vượt cấp kéo dài.

➤ **Chỉ tiêu 3:**

+ Kiểm chế và giảm các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác so với năm trước, không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng (từ 7 năm tù trở lên).

+ Kiểm chế và làm giảm tai nạn, tệ nạn xã hội so với năm trước. Không để xảy ra cháy nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng.

### **III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, dự kiến: 1.311.760 triệu đồng, gồm:**

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: 1.262.660 triệu đồng (chiếm 96,2%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 49.100 triệu đồng (chiếm 3,8%).

#### **B. Nguồn vốn**

1. Vốn từ Ngân sách TP: **1.166.962** triệu đồng, chiếm 88,9%; trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 283.590 triệu đồng

+ Vốn lồng ghép: 883.372 triệu đồng:

\* Vốn tập trung: 864.272 triệu đồng;

\* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

\* Vốn sự nghiệp: 19.100 triệu đồng.

2. Vốn cộng đồng: 137.798 triệu đồng, chiếm 10,5%; trong đó:

+ Vốn dân: 97.298 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 40.500 triệu đồng

**3. Vốn tín dụng:** 7.000 triệu đồng, chiếm 0,6%.

\* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### **Phần III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thời gian thực hiện đề án:** từ nay đến hết năm 2015.

**2. Quy mô và khối lượng thực hiện:** theo các biểu đính kèm.

**3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ**

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011



của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

**b) Quản lý đầu tư và xây dựng**

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

- Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

**4. Phân công thực hiện**

a) Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Lộc B huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Vĩnh Lộc B; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Lộc B cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải

quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Vĩnh Lộc B.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Vĩnh Lộc B, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Lộc B.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng